

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: **148/2024/HS-ST**
Ngày 24/5/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Nguyễn Hữu Long.
- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2024/HSST, ngày 04/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HS, ngày 13/5/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị N** (Tên gọi khác: B); giới tính: Nữ; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1971; tại: Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Con ông Nguyễn Đ (đã chết) và con bà Võ Thị L (đã chết); có chồng là Nguyễn Lê Trường T (đã chết); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm: 2013.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2024 đến ngày 04/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lý Thị Á . Địa chỉ: **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)
2. Chị **Hứa Thị Bích L1** . Địa chỉ: **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)
3. Anh Trần Minh P . Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)
4. Anh Trần Minh D Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)
5. Ông **Võ Minh Đ1** . Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)
6. Bà Hà Thị C Địa chỉ: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (*Vắng mặt*)

7. Anh Nguyễn Ngọc H . Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
8. Anh Trần Ngọc Hoài V . Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
9. Chị Ka L2 . Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
10. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
11. Bà Lê Thị Mỹ L3 . Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
12. Bà Trần Thị Thanh T1. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
13. Bà Nguyễn Thị Lê . Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
14. Chị Trần Thị Thanh M. Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- * Người làm chứng:**
1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H2. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
2. Anh Nguyễn Trường T2. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Nguyễn Thị N nảy sinh mục đích cho người dân vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Nguyễn Thị N dùng điện thoại di động hiệu Vivo 1906, màu đỏ, gắn sim số 036.8071.254 để người vay liên hệ vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Do Nguyễn Thị N không biết chữ nên mỗi lần cho người dân vay tiền xong thì nhờ anh Nguyễn Trường T2 (con đẻ) ghi lại các khoản vay vào sổ và mượn số tài khoản ngân hàng M1 số 0905213157 của chị Huỳnh Thị Mỹ H2 (con dâu) để giao dịch.

Nguyễn Thị N quy định hình thức, lãi suất cho vay lãi nặng như sau:

Hình thức vay tiền trả cả tiền gốc và tiền lãi theo ngày (gọi là vay góp), Nguyễn Thị N đưa ra các gói vay tiền là từ 2.700.000 đồng đến 10.800.000 đồng, cho người dân vay trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả cả gốc và lãi của gói vay. Trường hợp người vay chưa trả hết số ngày của gói vay mà có nhu cầu đáo hạn gói vay, cũng theo cách thức như trên, thu tiền trừ trả hết gói vay trước, còn lại thì đưa tiền cho người vay, người vay vẫn phải trả lãi gốc trong vòng 30 ngày của gói vay mới, đến khi trả hết. Người vay tiền không cần phải thế chấp tài sản hoặc giấy tờ gì cho N1 mà chỉ cần người vay viết số tiền vay và không viết thỏa thuận lãi suất trong sổ tiền vay mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Hình thức vay tiền trả tiền gốc sau còn tiền lãi trả theo ngày hoặc đến hạn trả tiền gốc thì trả kèm với tiền lãi (gọi là vay đứng), Nguyễn Thị N thỏa thuận miệng với người vay lãi suất là 1.000.000 đồng/10.000 đồng/1ngày. Người vay có thể trả

lãi theo ngày hoặc trả lãi cùng với tiền gốc khi hết hạn vay. Sau khi vay xong thì người vay viết vào sổ thể hiện số tiền vay.

Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị N đã cho 14 người dân vay tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Bà Lý Thị Á, sinh năm: 1965, trú tại: **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 01/2023, bị cáo Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2023, với cách thức và lãi suất như trên, **N1** đã cho bà **Á1** vay đáo tổng cộng 10 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 27.000.000 đồng, tổng số tiền lãi 10 lần vay là 10×300.000 đồng = 3.000.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 443.840 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.556.160 đồng.

Lần 2: Vào tháng 6/2023, Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2023, với cách thức và lãi suất như trên, **N1** đã cho bà **Á1** vay đáo tổng cộng 04 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 10.800.000 đồng, tổng số tiền lãi 04 lần vay là 04×300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 177.536 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.022.464 đồng.

Lần 3: Vào tháng 7/2023, Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 7/2023 đến tháng 8/2023, với cách thức và lãi suất như trên, **N1** đã cho bà **Á1** vay đáo tổng cộng 04 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 10.800.000 đồng, tổng số tiền lãi 04 lần vay là 04×300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 177.536 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.022.464 đồng.

Lần 4: Vào tháng 8/2023, Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 8/2023 đến tháng 9/2023, với cách thức và lãi suất như trên, **N1** đã cho bà **Á1** vay đáo tổng cộng 04 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 10.800.000 đồng, tổng số tiền lãi 04 lần vay là 04×300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo

quy định của pháp luật là 177.536 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.022.464 đồng.

Lần 5: Vào tháng 9/2023, Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2023, với cách thức và lãi suất như trên, N1 đã cho bà Á1 vay đáo tổng cộng 04 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 10.800.000 đồng, tổng số tiền lãi 04 lần vay là 04×300.000 đồng = 1.200.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 177.536 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.022.464 đồng.

Lần 6: Vào tháng 11/2023, Nguyễn Thị N cho Bà Lý Thị Á vay đứng số tiền 15.000.000 đồng, trong vòng thời gian 30 ngày, lãi suất là 1.500.000 đồng/1 tháng. Sau đó, bà Á1 đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) do ông Trần Ngọc B, sinh năm: 1964, nơi cư trú: Thôn I, xã H, TP. (là chồng bà Á1) đứng tên, để vay đứng thêm số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất là 500.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền N1 cho bà Á1 vay đứng là 20.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, lãi suất 2.000.000 đồng/01 tháng, tương ứng với lãi suất 121.67%/năm, số tiền bà Á1 phải trả trong vòng 30 ngày là 22.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 20.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng). Gói vay này, N1 đã thu được 3.500.000 đồng tiền lãi, hiện bà Á1 chưa trả được số tiền gốc cho N1, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 328.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.171.233 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của Bà Lý Thị Á là 9.817.260 đồng.

2. Chị Hứa Thị Bích L1, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 01/2023, Nguyễn Thị N cho chị Hứa Thị Bích L4 vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, trả góp trong vòng 30 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 01/2023 đến tháng 05/2023, với cách thức và lãi suất như trên, N1 đã cho chị L4 vay đáo tổng cộng 16 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 43.200.000 đồng, tổng số tiền lãi 16 lần vay là 16×300.000 đồng = 4.800.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 710.144 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.089.863 đồng.

Lần 2: Vào tháng 6/2023, Nguyễn Thị N cho chị Hứa Thị Bích L4 vay số góp tiền 5.400.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.400.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023, N1 đã cho chị L4 vay đáo tổng cộng 14 lần với số tổng số tiền gốc cho vay là 75.600.000 đồng, tổng số tiền lãi 14 lần vay là 14×600.000

đồng = 8.400.000 đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 1.242.738 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.157.260 đồng.

Lần 3: Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho chị **Hứa Thị Bích L4** vay góp số tiền 2.600.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.600.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng). Đối với gói vay này, từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, với cách thức và lãi suất như trên, **N1** đã cho chị **L4** vay đảo tổng cộng 02 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 5.200.000 đồng, tổng số tiền lãi 02 lần vay là $02 \times 400.000 = 800.000$ đồng, tổng số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.480 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 714.520 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của chị **Hứa Thị Bích L4** là 11.604.383 đồng.

3. Anh Trần Minh P, sinh năm: 1997, trú tại **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 8/2023, Nguyễn Thị N cho Anh Trần Minh P vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.520 đồng.

Lần 2: Vào tháng 10/2023, Nguyễn Thị N cho Anh Trần Minh P vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu được 15 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, anh **P1** còn nợ 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 42.740 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 357.260 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của Anh Trần Minh P là 1.071.781 đồng.

4. Anh **Trần Minh D1**, sinh năm: 1991, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 05/2023, Nguyễn Thị N cho anh **Trần Minh D1** vay góp số tiền 5.400.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.400.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 88.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 511.233 đồng.

Lần 2: Vào tháng 6/2023, Nguyễn Thị N cho anh **D1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày

với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.521 đồng.

Lần 3: Vào tháng 7/2023, Nguyễn Thị N cho anh **D1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu được 19 ngày với số tiền là 3.800.000 đồng, anh **D1** còn nợ 11 ngày với số tiền là 2.200.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 54.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 452.530 đồng (Bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm ba mươi đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của anh **Trần Minh D1** là 1.678.284 đồng.

5. Anh **Võ Minh Đ2**, sinh năm: 1972, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay gói sau:

Vào ngày 17/8/2023, Nguyễn Thị N cho anh **Đ2** vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

6. Bà **Hà Thị C1**, sinh năm: 1969, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 10/2023, Nguyễn Thị N cho bà **C1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.521 đồng.

Lần 2: Vào tháng 11/2023, Nguyễn Thị N cho bà **C1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.521 đồng.

Lần 3: Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho bà **C1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.521 đồng.

Lần 4: Vào ngày 15/01/2024, Nguyễn Thị N cho bà **C1** vay góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi

suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu được 05 ngày với số tiền là 1.000.000 đồng, bà **C1** còn nợ 25 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 14.247 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 119.087 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của bà **Hà Thị C1** là 2.262.649 đồng.

7. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói:

Lần 1: Vào tháng 11/2023, Nguyễn Thị N cho anh **H3** vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.484 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

Lần 2: Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho anh **H3** vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.484 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.616 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của Anh Nguyễn Ngọc H là 511.233 đồng.

8. Anh **Trần Hoài Ngọc V1**, sinh năm: 1989, trú tại: **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay gói:

Vào ngày 27/11/2023, Nguyễn Thị N cho anh **Trần Hoài N2 V1** vay đứng số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng thời gian 30 ngày, lãi suất là 1.500.000 đồng/01 tháng, tương ứng với lãi suất 182.50%/năm, tổng số tiền anh **V1** phải trả trong vòng 30 ngày là 11.500.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng). Khi vay **N1** trừ trước số tiền 1.500.000 đồng và đưa cho anh **V1** số tiền 8.500.000 đồng. Đến nay, anh **V1** vẫn chưa trả được số tiền gốc cho **N1**, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 164.383 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

9. Chị **Ka L2**, sinh năm: 1994, trú tại: **Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Ngày 02/12/2023, Nguyễn Thị N cho chị **Ka L5** vay góp số tiền 2.600.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.600.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 42.740 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 357.260 đồng.

Lần 2: Vào ngày 02/01/2024, bị cáo **N1** cho chị **Ka L5** vay góp số tiền 2.600.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi

suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.600.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu được 16 ngày với số tiền 1.600.000 đồng, chỉ **Ka L5** còn nợ lại 14 ngày với số tiền là 1.400.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 22.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 190.539 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của Chi **Ka L2** là 547.799 đồng.

10. Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 1999, trú tại: **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay gói:

Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho Anh **Nguyễn Văn H1** vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

11. Bà **Lê Thị Mỹ L3**, sinh năm 1976, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay gói:

Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho Bà **Lê Thị Mỹ L3** vay đứng số tiền 5.000.000 đồng, trong vòng 10 ngày, lãi suất là 500.000 đồng/10 ngày, tổng số tiền bà **L6** phải trả trong vòng 10 ngày là 5.500.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 500.000 đồng) khi vay **N1** trừ trước số tiền lãi 500.000 đồng và đưa bà **L6** số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó khoảng 07 ngày, **N1** tiếp tục cho bà **L6** vay thêm số tiền 7.000.000 đồng, trong vòng thời gian 10 ngày, lãi suất là 700.000 đồng/10 ngày, tổng số tiền bà **L6** phải trả trong vòng 10 ngày là 7.700.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 7.000.000 đồng, số tiền lãi là 700.000 đồng) khi vay **N1** trừ số trước số tiền lãi 700.000 đồng và đưa bà **L6** số tiền 6.300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền **N1** cho bà **L6** vay đứng là 12.000.000 đồng, trả trong vòng thời gian 10 ngày, lãi suất là 1.200.000 đồng/10 ngày, tương ứng với lãi suất 365%/năm, tổng số tiền bà **L6** phải trả trong vòng 10 ngày là 13.200.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.200.000 đồng), tổng số tiền lãi **N1** đã thu khoản vay này là 4.200.000 đồng (trong đó số tiền lãi đã trừ 02 lần trước đó là 1.200.000 đồng và số tiền bà **L6** đã đóng cho **N1** 02 lần là 3.000.000 đồng), hiện bà **L6** đang còn nợ số tiền gốc là 12.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 65.753 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.002.740 đồng.

12. Bà **Trần Thị Thanh T1**, sinh năm: 1976, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Vào tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho bà **Trần Thị Thanh T1** vay góp số tiền 2.700.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số

tiền 100.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 3.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 2.700.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.484 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

Lần 2: Vào tháng 01/2024, Nguyễn Thị N cho bà **Trần Thị Thanh T1** vay đúng số tiền 1.000.000 đồng, trong vòng thời gian 30 ngày, lãi suất là 100.000 đồng/ 01 tháng, tương ứng với lãi suất 121.67%/năm, tổng số tiền khi trả xong là 1.100.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng, số tiền lãi là 100.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ với tổng số tiền là 1.100.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 16.438 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 83.562 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của bà **Trần Thị Thanh T1** là 340.178 đồng.

13. Bà **Nguyễn Thị L7**, sinh năm: 1969, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay các gói sau:

Lần 1: Ngày 07/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị N cho bà **Nguyễn Thị Lê v** góp số tiền 5.200.000 đồng, lãi suất là 5.128 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 187.18%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.200.000 đồng, số tiền lãi là 800.000 đồng), khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 85.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 714.521 đồng.

Lần 2: Ngày 09/01/2024, Nguyễn Thị N cho bà **Nguyễn Thị Lê v** góp số tiền 10.800.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng tiền khi trả xong là 12.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 10.800.000 đồng, số tiền lãi là 1.200.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu được 15 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, chị **L7** còn nợ 15 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 88.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 511.233 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu lợi bất chính của bà **Nguyễn Thị Lê l** 1.225.754 đồng.

14. Chị **Trần Thị Thanh M**, sinh năm: 1985, trú tại: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vay gói:

Tháng 12/2023, Nguyễn Thị N cho chị **Trần Thị Thanh M** vay góp số tiền 5.400.000 đồng, lãi suất là 3.703 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 135.19%/năm, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền khi trả xong là 6.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 5.400.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng). Khoản vay này **N1** đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 88.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 511.233 đồng.

Như vậy, từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, tại địa bàn **thành phố B**, Nguyễn Thị N đã cho 14 người dân vay tiền với 81 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 324.300.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 35.776.403 đồng, lãi suất

Nở cho vay từ 121.67%/năm đến 365%/năm, gấp từ 6.08 lần đến 18.25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Theo quy định Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất tính lãi} = \frac{\text{Số tiền lãi ngày} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Số tiền gốc vay}}$$

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 05 quyển sổ ghi chép việc cho vay; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu đỏ, số Imel: 865635043516472, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị N và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông **Trần Ngọc B** và Bà Lý Thị Á, là các tang vật chứng của vụ án để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Cáo trạng số: 135/CT-VKS-HS ngày 04/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo số tiền từ 40.000.000đồng đến 45.000.000đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu đỏ, **số I: 865635043516472** là công cụ của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 571788 mang tên ông **Trần Ngọc B**, sinh năm 1964 và Bà Lý Thị Á, sinh năm 1975, được bà **Á1** thế chấp cho **N1** để làm thủ tục vay tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị N nên cần trả lại cho ông **Trần Ngọc B** và Bà Lý Thị Á là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo Công tác xét xử.

- Đối với 05 quyển sổ màu đen ghi chép việc cho vay lãi nặng là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội nên cần chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ Công tác xét xử.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị N3, tổng số tiền 329.245.396 đồng (trong đó: số tiền gốc là 324.300.000 đồng, số tiền lãi cho phép theo quy định là 4.945.396 đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N trả lại tổng số tiền 35.776.403 đồng là tổng số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay tiền, cụ thể: Trả cho Bà Lý Thị Á số tiền 9.817.260 đồng; chị Hứa Thị Bích L4 số tiền 11.604.383 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 1.071.781 đồng; anh Trần Minh D1 số tiền 1.678.284 đồng; anh Võ Minh Đ2 số tiền 255.616 đồng; bà Hà Thị C1 số tiền 2.262.649 đồng; Anh Nguyễn Ngọc H số tiền 511.233 đồng; Anh Trần Ngọc H4 V số tiền 1.335.617 đồng; Chị Ka L2 số tiền 547.799 đồng; Anh Nguyễn Văn H1 số tiền 255.616 đồng; Bà Lê Thị Mỹ L3 số tiền 4.002.740 đồng; bà Trần Thị Thanh T1 số tiền 340.178 đồng; bà Nguyễn Thị Lê s tiền 1.225.754 đồng và chị Trần Thị Thanh M số tiền 511.233 đồng.

Truy thu của những người vay tiền tổng số tiền gốc 57.453.333 đồng còn nợ chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị N để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bà Lý Thị Á số tiền 20.000.000 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 2.600.000 đồng; anh Trần Minh D1 số tiền 1.906.677 đồng; bà Hà Thị C1 số tiền 4.333.333 đồng; Anh Trần Ngọc H4 V số tiền 10.000.000 đồng; Chị Ka L2 số tiền 1.213.333 đồng; Bà Lê Thị Mỹ L3 số tiền 12.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Lê s tiền 5.400.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 135/CT-VKS-HS ngày 04/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024 tại địa bàn thành phố B, bị cáo Nguyễn Thị N đã cho 14 người dân vay tiền với 81 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 324.300.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 35.776.403 đồng, lãi suất bị cáo Nguyễn Thị N cho vay từ 121.67%/năm đến 365%/năm, gấp từ 6.08 lần đến 18.25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự thì bị phát hiện xử lý.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng và gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 50.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 271.792.063 đồng (trong đó: số tiền gốc bị cáo cho vay là 266.846.667 đồng và số tiền lãi cho phép theo quy định 20%/ năm là 4.945.396 đồng) mà bị cáo đã thu được từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là số tiền bị cáo dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay nên cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị N để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc 57.453.333 đồng của bị cáo **N3** cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay nhưng những người này chưa trả, nên cần truy thu của những người này để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bà Lý Thị Á số tiền 20.000.000 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 2.600.000 đồng; anh **Trần Minh D1** số tiền 1.906.677 đồng; bà **Hà Thị C1** số tiền 4.333.333 đồng; Anh **Trần Ngọc H4** V số tiền 10.000.000 đồng; Chị **Ka L2** số tiền 1.213.333 đồng; Bà **Lê Thị Mỹ L3** số tiền 12.000.000 đồng và bà **Nguyễn Thị Lê s** tiền 5.400.000 đồng.

- Đối với số tiền 35.776.403 đồng là số tiền lãi thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể, trả lại cho:

Trả cho Bà Lý Thị Á số tiền 9.817.260 đồng; chị Hứa Thị Bích L4 số tiền 11.604.383 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 1.071.781 đồng; anh Trần Minh D1 số tiền 1.678.284 đồng; anh Võ Minh Đ2 số tiền 255.616 đồng; bà Hà Thị C1 số tiền 2.262.649 đồng; Anh Nguyễn Ngọc H số tiền 511.233 đồng; Anh Trần Ngọc H4 V số tiền 1.335.617 đồng; Chị Ka L2 số tiền 547.799 đồng; Anh Nguyễn Văn H1 số tiền 255.616 đồng; Bà Lê Thị Mỹ L3 số tiền 4.002.740 đồng; bà Trần Thị Thanh T1 số tiền 340.178 đồng; bà Nguyễn Thị Lê s tiền 1.225.754 đồng và chị Trần Thị Thanh M số tiền 511.233 đồng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu đỏ, số I: 865635043516472 là công cụ của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 571788 mang tên ông Trần Ngọc B, sinh năm 1964 và Bà Lý Thị Á, sinh năm 1975, được bà Á1 thế chấp cho N3 để làm thủ tục vay tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị N nên cần trả lại ông Trần Ngọc B và Bà Lý Thị Á là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

- Đối với 05 quyển sổ màu đen ghi chép việc cho vay lãi nặng là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội nên cần tiếp tục lưu hồ sơ.

[8] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Đối với anh Nguyễn Trường T2, là người được bị cáo nhờ viết lại số tiền cho vay vào sổ giúp bị cáo Nguyễn Thị N3. Quá trình điều tra xác định: Tại thời điểm bị cáo Nguyễn Thị N cho vay tiền thì anh Nguyễn Trường T2 không biết, sau đó bị cáo N3 nhờ anh Thi v1 lại số tiền gốc bị cáo cho vay. Anh T2 không đóng góp tiền, không đi thu tiền, không biết bị cáo cho vay lãi suất bao nhiêu và không được hưởng lợi gì về việc bị cáo N3 cho vay tiền với lãi suất cao theo quy định của Bộ luật dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Trường T2 là phù hợp.

Đối với chị Huỳnh Thị Mỹ H2 là người cho bị cáo Nguyễn Thị N mượn tài khoản ngân hàng M1 số tài khoản 0905213157. Quá trình điều tra xác định: Chị Huỳnh Thị Mỹ H2 chỉ biết N3 mượn tài khoản để buôn bán, làm ăn chứ không biết việc N3 cho ai vay tiền, số tiền vay, lãi suất và cũng không được hưởng lợi gì về việc N3 cho người khác vay tiền lãi nặng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Huỳnh Thị Mỹ H2 là phù hợp.

Đối với người vay tiền tên N4 bé (chưa rõ nhân thân lai lịch), hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[9]. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự;

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/01/2024 đến ngày 04/02/2024.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án. Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã H5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 271.792.063 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu, sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền nợ gốc 35.776.403 đồng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả, cụ thể truy thu của: Bà Lý Thị Á số tiền 20.000.000 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 2.600.000 đồng; anh Trần Minh D1 số tiền 1.906.677 đồng; bà Hà Thị C1 số tiền 4.333.333 đồng; Anh Trần Ngọc H4 V số tiền 10.000.000 đồng; Chị Ka L2 số tiền 1.213.333 đồng; Bà Lê Thị Mỹ L3 số tiền 12.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Lê s tiền 5.400.000 đồng

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, số tiền thu lợi bất chính, cụ thể trả cho:

Trả cho Bà Lý Thị Á số tiền 9.817.260 đồng; chị Hứa Thị Bích L4 số tiền 11.604.383 đồng; Anh Trần Minh P số tiền 1.071.781 đồng; anh Trần Minh D1 số tiền 1.678.284 đồng; anh Võ Minh Đ2 số tiền 255.616 đồng; bà Hà Thị C1 số tiền 2.262.649 đồng; Anh Nguyễn Ngọc H số tiền 511.233 đồng; Anh Trần Ngọc H4 V số tiền 1.335.617 đồng; Chị Ka L2 số tiền 547.799 đồng; Anh Nguyễn Văn H1 số tiền 255.616 đồng; Bà Lê Thị Mỹ L3 số tiền 4.002.740 đồng; bà Trần Thị Thanh T1 số tiền 340.178 đồng; bà Nguyễn Thị Lê s tiền 1.225.754 đồng và chị Trần Thị Thanh M số tiền 511.233 đồng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu đỏ, số Imel: 865635043516472 của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho ông Trần Ngọc B và Bà Lý Thị Á 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 571788 mang tên ông Trần Ngọc B, sinh năm 1964 và Bà Lý Thị Á, sinh năm 1975 nhận quản lý sử dụng.

- Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 05 quyển sổ màu đen ghi chép việc cho vay lãi nặng là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng vào việc phạm tội (bản gốc).

(Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 13/5/2024 giữa Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk; VKSND TP. BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự; Lưu HS+ VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai